VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2025/TT-BCA

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025

THÔNG TƯ
Quy định về tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra; phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023, năm 2025);

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra; phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra; phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn điều tra hình sự của các đơn vị thuộc Cơ quan điều tra các cấp, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan điều tra, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân.

2. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra của Cơ quan điều tra của Công an nhân dân; cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân.

3. Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Công an cấp tỉnh), Công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Công an cấp xã), Đồn Công an.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Hoạt động của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân được thực hiện theo quy định của Thông tư này và theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác đã ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực không trái với quy định của Thông tư này nhằm bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phân công, phân cấp rành mạch, rõ ràng, tránh chồng chéo; điều tra kịp thời, nhanh chóng, khách quan, toàn diện.

2. Các trường hợp đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn theo quy định tại Chương XXXI Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) thì Cơ quan Cảnh sát điều tra phải thực hiện trình tự, thủ tục rút gọn, không để kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Chương II
TỔ CHỨC, BỘ MÁY, THẨM QUYỀN, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN ĐIỀU TRA; NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TIẾN HÀNH MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA CỦA CÔNG AN NHÂN DÂN

Mục 1
CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA BỘ CÔNG AN

Điều 4. Tổ chức, bộ máy, thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn; phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng

1. Tổ chức, bộ máy của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an gồm có:

a) Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra;

b) Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (gọi tắt là Cục Cảnh sát hình sự);

c) Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (gọi tắt là Cục Cảnh sát kinh tế);

d) Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.

2. Phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an:

a) 01 Thứ trưởng Bộ Công an phụ trách công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm là Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; 01 Thứ trưởng Bộ Công an là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an là Phó Thủ trưởng Thường trực Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an;

c) Cục trưởng Cục Cảnh sát kinh tế, 01 Phó Chánh văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng và 01 Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát hình sự, Cục trưởng và 01 Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

3. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự và tố tụng hình sự.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, hồ sơ vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan khác chuyển đến để phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Thực hiện chế độ báo cáo về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật; giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thống kê, báo cáo về công tác điều tra hình sự.

3. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra vụ án hình sự đã rõ cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện hành vi phạm tội (sau đây gọi chung là người thực hiện hành vi phạm tội) thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về tội phạm quy định tại các chương XIV, XV, XVI, XVII, XXI, XXII và XXIV của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Cục Cảnh sát kinh tế).

4. Điều tra vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

5. Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết các vụ án hình sự do Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh xin ý kiến.

6. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định vụ án hình sự theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

7. Tham mưu, giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra và kiểm tra việc chấp hành pháp luật, nghiệp vụ điều tra trong công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và công tác điều tra, xử lý tội phạm đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra đối với các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân; hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm của Công an cấp xã, Đồn Công an;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và công tác giữ người, bắt người, tạm giữ, tạm giam, điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp trong Công an nhân dân;

đ) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

8. Theo dõi, đề xuất, trực tiếp thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ đối với những trường hợp thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thực hiện hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

9. Quản lý con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát hình sự

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an); tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, hồ sơ vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan khác chuyển đến để phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về tội phạm quy định tại các chương XIV, XV, XVI, XVII, XXI, XXII và XXIV của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và Cục Cảnh sát kinh tế).

4. Tiến hành điều tra vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

5. Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án hình sự do Phòng Cảnh sát hình sự Công an cấp tỉnh xin ý kiến.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát kinh tế

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an); tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, hồ sơ vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan khác chuyển đến để phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm và điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về tội phạm quy định tại Chương XVIII, Chương XIX, Chương XXIII, các điều từ Điều 174 đến Điều 180 Chương XVI (trong trường hợp đối tượng lợi dụng tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ký kết hợp đồng kinh tế để phạm tội) và Điều 324 Chương XXI của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

4. Tiến hành điều tra vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

5. Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án hình sự do Phòng Cảnh sát kinh tế Công an cấp tỉnh xin ý kiến.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an); tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, hồ sơ vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan khác chuyển đến để phân loại, báo cáo, đề xuất Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về tội phạm quy định tại Chương XX của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

4. Tiến hành điều tra vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy để điều tra lại theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

5. Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết các chuyên án, vụ án hình sự do Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an cấp tỉnh xin ý kiến.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phân công.

Mục 2
CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN CẤP TỈNH

Điều 9. Tổ chức, bộ máy, thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn; phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng

1. Tổ chức, bộ máy của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh gồm có:

a) Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra;

b) Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (gọi tắt là Phòng Cảnh sát hình sự);

c) Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường (gọi tắt là Phòng Cảnh sát kinh tế);

d) Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.

2. Phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh:

a) 01 Phó Giám đốc phụ trách công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm là Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh;

b) Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh là Phó Thủ trưởng Thường trực Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh;

c) 01 Phó Chánh Văn phòng, Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát hình sự, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát kinh tế, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy là Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

Tùy tình hình thực tiễn tại địa phương, để bảo đảm hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh trên địa bàn cần phải bố trí thêm Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh thì Công an cấp tỉnh báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) để xem xét, quyết định số lượng tăng thêm Phó Thủ trưởng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh; việc bổ nhiệm Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh

a) Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; phân loại và giải quyết nguồn tin về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết;

b) Tiến hành điều tra vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các chương từ Chương XIV đến Chương XXIV của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cơ quan An ninh điều tra của Công an nhân dân;

c) Hướng dẫn các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân thuộc Công an cấp tỉnh thực hiện hoạt động điều tra; hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm của Công an cấp xã, Đồn Công an;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật tổ chức điều tra hình sự và tố tụng hình sự.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh; tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, hồ sơ vụ việc, vụ án hình sự do các cơ quan khác chuyển đến để phân loại, giải quyết theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền giải quyết giữa các đơn vị thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh thì báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh quyết định phân công giải quyết.

2. Thực hiện chế độ báo cáo về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật; giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) về công tác điều tra hình sự.

3. Quản lý, hướng dẫn, chỉ đạo chung về nghiệp vụ điều tra đối với Điều tra viên, Cán bộ điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh bố trí tại Công an cấp xã; hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra đối với vụ việc, vụ án cụ thể về tội phạm quy định tại khoản 4 Điều này khi Điều tra viên, Cán bộ điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh bố trí tại Công an cấp xã được phân công thụ lý, giải quyết.

4. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra vụ án hình sự đã rõ người thực hiện hành vi phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh về tội phạm quy định tại các chương XIV, XV, XVI, XVII, XXI, XXII và XXIV của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Phòng Cảnh sát kinh tế và Phòng Cảnh sát hình sự).

5. Tham mưu, giúp Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra đối với cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân thuộc Công an cấp tỉnh; hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm của Công an cấp xã, Đồn Công an;

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, phân loại, giải quyết nguồn tin về tội phạm và công tác giữ người, bắt người, tạm giữ, tạm giam, điều tra, xử lý tội phạm của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh;

d) Giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng hoặc kết luận nội dung tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

6. Thẩm định vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

7. Trực tiếp thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ đối với những trường hợp thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

8. Quản lý con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Cảnh sát hình sự

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trong trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh); tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, hồ sơ vụ việc, vụ án hình sự do cơ quan khác chuyển đến để phân loại, giải quyết theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền giải quyết giữa các đơn vị thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh thì báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh quyết định phân công đơn vị giải quyết.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh về tội phạm quy định tại các chương XIV, XV, XVI, XVII, XXI, XXII và XXIV của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền điều tra của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh và Phòng Cảnh sát kinh tế) trong các trường hợp sau:

a) Chưa rõ đối tượng thực hiện hành vi phạm tội;

b) Đã rõ đối tượng thực hiện hành vi phạm tội do trực tiếp phát hiện;

c) Đã rõ đối tượng thực hiện hành vi phạm tội đối với các vụ trọng án. Trọng án bao gồm nguồn tin, vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các điều 123, 125, 126, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các điều 134, 141, 142, 143, 144, 168, 169, 170 và 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nguồn tin về tội phạm, vụ án hình sự có đủ các điều kiện: có tính chất băng, ổ nhóm (hoặc phạm tội có tổ chức), sử dụng vũ khí quân dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

4. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra đối với vụ việc, vụ án cụ thể về tội phạm quy định tại khoản 3 Điều này khi Điều tra viên, Cán bộ điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh bố trí tại Công an cấp xã được phân công thụ lý, giải quyết.

5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Cảnh sát kinh tế

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trong trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh); tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, hồ sơ vụ việc, vụ án hình sự do các cơ quan khác chuyển đến để phân loại, giải quyết theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền giải quyết giữa các đơn vị thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh thì báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh quyết định phân công đơn vị giải quyết.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh về tội phạm quy định tại các chương XVIII, XIX, XXIII, các điều từ Điều 174 đến Điều 180 Chương XVI (trong trường hợp đối tượng lợi dụng tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ký kết hợp đồng kinh tế để phạm tội) và Điều 324 Chương XXI của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

4. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra đối với vụ việc, vụ án cụ thể về tội phạm quy định tại khoản 3 Điều này khi Điều tra viên, Cán bộ điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh bố trí tại Công an cấp xã được phân công thụ lý, giải quyết.

5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy

1. Tổ chức công tác trực ban hình sự (trong trường hợp không cùng trụ sở với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh); tiếp nhận nguồn tin về tội

phạm, hồ sơ vụ việc, vụ án hình sự do các cơ quan ngoài Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh chuyển đến để phân loại, giải quyết theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền giải quyết giữa các đơn vị thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh thì báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh quyết định phân công đơn vị giải quyết.

2. Thực hiện chế độ báo cáo Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh) về công tác điều tra hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh về tội phạm quy định tại Chương XX của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

4. Hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra đối với vụ việc, vụ án cụ thể về tội phạm quy định tại khoản 3 Điều này khi Điều tra viên, Cán bộ điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh bố trí tại Công an cấp xã được phân công thụ lý, giải quyết.

5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 14. Ủy quyền, phân công nhiệm vụ cho các Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh

1. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có thể:

a) Ủy quyền cho Phó Thủ trưởng là Chánh Văn phòng, Trưởng phòng các phòng quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Khi được ủy quyền, Phó Thủ trưởng là Chánh Văn phòng, Trưởng phòng có thể phân công Phó Thủ trưởng là Phó Chánh Văn phòng, Phó Trưởng phòng thuộc quyền để thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự về các tội phạm rất nghiêm trọng, nghiêm trọng, ít nghiêm trọng thuộc thẩm quyền và các thẩm quyền khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021);

b) Ủy quyền cho Phó Thủ trưởng là Phó Chánh Văn phòng, Phó Trưởng phòng các phòng quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự về các tội phạm rất

nghiêm trọng, nghiêm trọng, ít nghiêm trọng do các tổ công tác ở địa bàn thụ lý. Khi được ủy quyền, các Phó Thủ trưởng là Phó Chánh Văn phòng, Phó Trưởng phòng có nhiệm vụ, quyền hạn trong tổ chức, chỉ đạo, phân công Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc quyền để thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra vụ án hình sự, trừ thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021);

c) Khi được ủy quyền, Phó Thủ trưởng chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được ủy quyền.

2. Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh trong giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quyết định, hành vi tố tụng của Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh, Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc quyền. Thủ trưởng không được ủy quyền cho Phó Thủ trưởng giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các quyết định, hành vi tố tụng trong vụ việc, vụ án mà Phó Thủ trưởng đó thụ lý, giải quyết.

Mục 3
PHÂN CÔNG THỦ TRƯỞNG, PHÓ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN AN NINH ĐIỀU TRA CÁC CẤP

Điều 15. Phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an

1. 01 Thứ trưởng Bộ Công an phụ trách lực lượng An ninh là Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an.

2. Cục trưởng Cục An ninh điều tra là Phó Thủ trưởng Thường trực Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an.

3. Các Phó Cục trưởng Cục An ninh điều tra là Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an.

Điều 16. Phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh

1. 01 Phó Giám đốc Công an cấp tỉnh phụ trách lực lượng An ninh là Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh.

2. Trưởng phòng Phòng An ninh điều tra Công an cấp tỉnh là Phó Thủ trưởng Thường trực Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh.

3. Các Phó Trưởng phòng Phòng An ninh điều tra Công an cấp tỉnh là Phó Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 17. Tiến hành điều tra vụ án hình sự về tội phạm khác liên quan đến an ninh quốc gia hoặc để bảo đảm khách quan theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Công an

Đối với những vụ án hình sự về tội phạm khác liên quan đến an ninh quốc gia hoặc để bảo đảm khách quan theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 thì Giám đốc Công an cấp tỉnh báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an (qua Cục An ninh điều tra) quyết định phân công Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh tiến hành điều tra.

Mục 4
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TIẾN HÀNH MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh

1. Cục Cảnh sát giao thông trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều từ Điều 260 đến Điều 276 và Điều 281 Mục 1 Chương XXI của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) hoặc sự việc xảy ra trên đường thủy có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra thì Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

2. Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều từ Điều 260 đến Điều 276 và Điều 281 Mục 1 Chương XXI của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) hoặc sự việc xảy ra trên đường thủy có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra thì Trưởng phòng Phòng Cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh

Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều 305, 307, 311, 312 và 313 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Cục trưởng, Trưởng phòng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường

Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại Chương XIX và các điều 193, 194, 195, 227, 228, 229, 232, 233, 234, 315 và 317 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an cấp tỉnh

Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an cấp tỉnh trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại Chương XIII, Chương XXVI, Mục 2 Chương XXI, tội phạm quy định tại các điều 207, 208, 282, 283, 284, 299, 300, 303, 304, 305, 309, 337, 338; 174, 206, 217a, 225, 321, 326 và 328 (trường hợp hành vi phạm tội có liên quan đến sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử) của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Cục trưởng, Trưởng phòng an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 37 và Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh và các cục nghiệp vụ an ninh khác ở Bộ, các phòng nghiệp vụ an ninh khác thuộc Công an cấp tỉnh và trại giam thuộc Bộ Công an

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại các điều từ Điều 347 đến Điều 350 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Cục trưởng, Trưởng phòng quản lý xuất nhập cảnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 37 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

2. Các cục nghiệp vụ an ninh ở Bộ Công an, các phòng nghiệp vụ an ninh thuộc Công an cấp tỉnh trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm (trừ các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này và Điều 21 Thông tư này) trong khi làm nhiệm vụ của mình mà phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm quy định tại Chương XIII, Chương XXVI và những tội phạm quy định tại các điều 207, 208, 282, 283, 284, 299, 300, 303, 304, 305, 309, 337 và 338 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì Cục trưởng, Trưởng phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 37 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

3. Trại giam thuộc Bộ Công an trong khi làm nhiệm vụ mà phát hiện tội phạm liên quan đến công tác quản lý giam giữ hoặc phát hiện người đang chấp hành án phạt tù có hành vi phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra thì Giám thị Trại giam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 đối với các tội phạm này.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và thay thế Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra,

thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện và Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện chủ động tiến hành rà soát, thống kê, tổng hợp, chốt danh sách hồ sơ vụ việc, vụ án, tài liệu, vật chứng, tài sản đang thụ lý, quản lý, giải quyết, bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh khi không tổ chức Công an cấp huyện để tiếp tục tiến hành các hoạt động tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật, Thông tư này và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

2. Đối với những vụ việc, vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện đang tạm đình chỉ thì khi có căn cứ phục hồi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định phục hồi và tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Cục An ninh điều tra Bộ Công an, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Bộ (qua Cục An ninh điều tra Bộ Công an, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp Bộ Công an) để có hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang